

môi trường hợp tác thuận lợi cho các đối tác. Các vấn đề hợp tác sản xuất và kinh doanh cụ thể do các tổ chức sản xuất và kinh doanh của hai nước trực tiếp ký kết với nhau.

2. Các Bộ, Ngành, địa phương có những kiến nghị về hợp tác với nước ngoài thuộc phạm vi nói trong Điều 41 cần gửi đến Chủ tịch Phân ban (qua Thư ký thường trực Phân ban) để xử lý hoặc trình Thủ tướng Chính phủ trước khi làm việc với bên nước ngoài. Phân ban có thể đề xuất những vấn đề cần giải quyết hoặc hợp tác với bên nước ngoài lên Thủ tướng Chính phủ.

3. Các văn kiện ký kết với bên nước ngoài trong khuôn khổ Ủy ban liên Chính phủ thực hiện theo đúng Pháp lệnh về Ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế. Sau khi ký kết và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Phân ban sẽ tổ chức triển khai và thông báo cho các Bộ, Ngành, địa phương có liên quan thực hiện.

4. Các Bộ, Ngành, địa phương ít nhất 6 tháng một lần thông báo cho Phân ban thông qua Văn phòng Chính phủ tình hình thực hiện các thỏa thuận với nước ngoài trong khuôn khổ hợp tác của Ủy ban liên Chính phủ.

5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký thường trực Phân ban được quyền quan hệ trực tiếp với đại diện của bên nước ngoài để trao đổi và giải quyết những vấn đề liên quan đến hợp tác.

6. Chủ tịch Phân ban có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện những thỏa thuận, các nghĩa vụ đã ký kết với nước ngoài. Khi cần thiết, Chủ tịch Phân ban có quyền triệu tập đại diện các Bộ, Ngành, địa phương để họp bàn giải quyết những vấn đề nảy sinh. Phó Chủ tịch (nếu có) và Thư ký thường trực giúp Chủ tịch Phân ban thực hiện nhiệm vụ nói trên.

7. Chủ tịch Phân ban chủ trì việc tham dự các khóa họp Ủy ban liên Chính phủ. Các khóa họp của Ủy ban liên Chính phủ được tiến hành ở trong nước và nước ngoài căn cứ theo điều lệ hoạt động của Ủy ban liên Chính phủ. Ngoài các cuộc họp định kỳ, khi có công việc đột xuất, Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Thư ký thường trực Phân ban hai bên có thể gặp nhau để bàn biện pháp giải quyết.

8. Thư ký thường trực Phân ban chịu trách nhiệm thường trực giúp Chủ tịch Phân ban nắm tình hình, số liệu, trao đổi với các cơ quan hữu quan, xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên để xử lý kịp thời các công việc hàng ngày của Phân ban. Thư ký thường trực được quyền mời các chuyên viên của các Bộ, Ngành, địa phương bàn chuẩn bị cho các cuộc họp của Ủy ban liên Chính phủ. Thư ký

thường trực Phân ban chịu trách nhiệm quản lý các tài liệu, số liệu của Phân ban ở trong nước cũng như khi đi công tác nước ngoài và được sử dụng hộ chiếu ngoại giao.

Điều 5. - Quyết định này thay thế Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 291-CT ngày 21-10-1989.

Các Chủ tịch Phân ban Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng  
PHAN VĂN KHẢI

## CÁC BỘ

### LIÊN BỘ

### TÀI CHÍNH - TƯ PHÁP

**THÔNG TƯ liên Bộ số 33-TT/LB ngày 24-4-1995 quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kết hôn, công nhận việc kết non, nhận con ngoài giá thú, đăng ký nuôi con nuôi và công nhận việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài.**

Căn cứ Điều 6 Nghị định số 184-CP ngày 30-11-1994 của Chính phủ quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài:

Căn cứ Quyết định số 270-CT ngày 26-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thông nhất quy định các nội dung và lệ phí:

Liên Bộ Tài chính - Tư pháp quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kết hôn, công nhận việc kết non, công nhận con ngoài giá thú, đăng ký nuôi con nuôi và công nhận việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt



Nam và người nước ngoài, giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên định cư ở nước ngoài như sau:

## I. ĐỐI TƯỢNG NỘP

Người xin đăng ký kết hôn, công nhận việc kết hôn, nhận con ngoài giá thú, đăng ký nuôi con nuôi và công nhận việc nuôi con nuôi phải nộp lệ phí một lần theo mức thu quy định tại mục II của Thông tư này.

## II. MỨC THU

### 1. Mức thu quy định như sau:

- |   |                |
|---|----------------|
| a) Đăng ký kết hôn:   | 2.000.000 đồng |
| b) Công nhận việc kết hôn đã được đăng ký ở nước ngoài:       | 1.000.000 đồng |
| c) Nhận con ngoài giá thú:                                    | 1.000.000 đồng |
| d) Đăng ký nuôi con nuôi:                                     | 2.000.000 đồng |
| e) Công nhận việc nuôi con nuôi đã được đăng ký ở nước ngoài: | 1.000.000 đồng |

2. Căn cứ vào mức thu quy định tại điểm 1 mục này, Cơ quan Đại diện ngoại giao, Cơ quan Lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài xác định mức thu bằng tiền địa phương hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi theo tỷ giá quy đổi ở nước tiếp nhận.

## III. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU

1. Lệ phí đăng ký kết hôn, công nhận việc kết hôn, nhận con ngoài giá thú, đăng ký nuôi con nuôi và công nhận việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài, giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên định cư ở nước ngoài, là khoản thu của ngân sách Nhà nước do các Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Cơ quan Đại diện ngoại giao, Cơ quan Lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài thu (sau đây gọi là cơ quan thu) khi tiếp nhận hồ sơ của đương sự.

2. Khi thu lệ phí, cơ quan thu phải sử dụng chứng từ thu do Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế) phát hành và phải mở sổ sách theo dõi việc thu, nộp và sử dụng lệ phí, hàng năm phải lập báo cáo quyết toán theo chế độ hiện hành.

3. Cơ quan thu được trích để lại 10% số tiền lệ phí thu được để bổ sung kinh phí (coi như khoản kinh phí được ngân sách cấp bổ sung) phục vụ cho công tác thẩm tra, xác minh hồ sơ và bù đắp các chi phí khác liên quan đến việc đăng ký kết hôn, công nhận kết hôn, nhận con ngoài giá thú, đăng ký nuôi con nuôi và công nhận việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài, giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên định cư ở nước ngoài.

4. Số tiền còn lại (90%) sau khi trích để lại cho cơ quan thu theo tỷ lệ trên, cơ quan thu phải nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước:

- Ở nước ngoài, Cơ quan Đại diện ngoại giao, Lãnh sự nộp vào tài khoản tạm giữ của ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 11-TC/TCĐN ngày 20-4-1992 của Bộ Tài chính về quy định quản lý quỹ tạm giữ của ngân sách Nhà nước ở các Sở quán, Cơ quan Đại diện ngoại giao ta ở nước ngoài.

- Ở trong nước, Sở Tư pháp nộp vào mục 35 chương, loại, khoản, hạng tương ứng của Mục lục ngân sách, thời hạn nộp theo quy định của cơ quan Thuế địa phương, nhưng chậm nhất là ngày mùng 5 của tháng sau phải nộp hết số phải nộp của tháng trước.

## IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Khi giá cả thị trường biến động từ 20% trở lên, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tư pháp điều chỉnh mức thu quy định tại Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cơ quan thu lệ phí cần kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp để xem xét giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tư pháp  
Thủ trưởng  
NGUYỄN NGỌC HIẾN

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng  
VŨ MỘNG GIAO